

Số: 6192 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủ y;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 228/TTr-SNN ngày 19/10/2016, ý kiến của Sở Tư pháp tại công văn số 1894/STP-KSTTHC ngày 05/10/2016 và công văn số 1994/STP-KSTTHC ngày 14/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 13 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

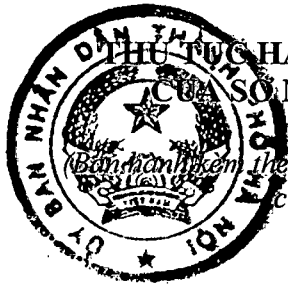
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm soát TTHC- Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- VPUBTP: các PVP P.C. Công, N.N.Kỳ;
Các phòng: NC, KT, TKBT, TH; *CL*
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT, NC_(B).



Nguyễn Đức Chung



Phụ lục

**HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

theo Quyết định số 6192 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	CQ thực hiện	Trang
1	Cấp, gia hạn, cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (Các loại hình hành nghề thú y: Tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Chi cục thú y	2
2	Cấp mới, gia hạn, cấp lại giấy Chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.		6
3	Cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y: (Áp dụng cấp cho cơ sở giết mổ, sơ chế, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật tươi sống; cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm)		11
4	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh		16
5	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy Chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn		20
6	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và PTNT	27
7	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	Chi cục Thủy sản	33
8	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức		38
9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới		41
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	Chi cục Thủy sản	44
11	Cấp sổ danh bạ thuyền viên		47
12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký cải hoán tàu cá		50
13	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường.	CC kiểm lâm	52

Phần II
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: Cấp, gia hạn, cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y

(Các loại hình hành nghề thú y: Tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục thú y Hà Nội hoặc Trạm thú y quận, huyện, thị xã và được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.- Trường hợp hồ sơ đủ thì người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn tại Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ.- Trường hợp hồ sơ còn thiếu thì được hướng dẫn để hoàn thiện hồ sơ.- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ làm việc các ngày từ thứ 2- thứ 6. <p>Bước 2: Thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề thú y.</p> <ul style="list-style-type: none">- Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn; kiểm tra hồ sơ.- Đối với tổ chức phải có cá nhân đáp ứng các yêu cầu quy định; Có cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y.- Phòng chuyên môn trình phê duyệt, trả kết quả về bộ phận một cửa. <p>Bước 3: Trả kết quả và thu nộp phí, lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tại Bộ phận một cửa của Chi cục thú y Hà Nội hoặc Bộ phận một cửa của Trạm thú y quận, huyện, thị xã.- Nộp phí và lệ phí theo qui định hiện hành. <p><i>Ghi chú: Đối với Tổ chức hành nghề Thú y, Chi cục thú y quyết định thành lập đoàn kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại cơ sở, hướng dẫn, lập biên bản kết luận cơ sở đủ điều kiện hay không đủ điều kiện.</i></p>
Cách thức thực hiện	<p>Trực tiếp tại Chi cục thú y Hà Nội. Số 88, đường Lê trọng Tấn, phường La Khê, Hà Đông, Hà Nội hoặc Trạm thú y quận, huyện, thị xã</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>1.1) Cấp mới:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Đơn đăng ký (<i>mẫu phục lục III Nghị định 35/2016/NĐ-CP</i>);b) Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y;c) Giấy chứng nhận sức khỏe;d) Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân. Đối với người nước ngoài, ngoài những quy định tại điểm a, b và c còn phải có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. <p>+ 02 ảnh 4x6.</p> <p>1.2) Cấp gia hạn:</p> <p>Cá nhân gửi hồ sơ trước khi chứng chỉ hành nghề thú y hết hạn 30 ngày.</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đơn đăng ký gia hạn (<i>mẫu phục lục III Nghị định 35/2016/NĐ-CP</i>);+ Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp;+ Giấy chứng nhận sức khỏe;+ 02 ảnh 4x6. <p>1.3) Cấp lại trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng, có sự thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp giấy chứng chỉ hành</p>

Vsh 2

	<p>nghề thú y: + Đơn đăng ký cấp lại; + Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất; 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	Cấp mới: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cấp gia hạn: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội b) Đơn vị trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y .
Kết quả của TTHC	Chứng chỉ hành nghề thú y <i>(có thời hạn 05 năm)</i>
Phí và lệ phí	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thú y : 100.000 đồng/lần cấp. Phí kiểm tra điều kiện cơ sở để cấp chứng chỉ hành nghề thú y chữa bệnh, phẫu thuật động vật (bệnh xá thú y): 225.000 đồng/lần cấp.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đăng ký cấp Chứng chỉ hành nghề (phụ lục III Nghị định 35/NĐ-CP)
Yêu cầu điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cá nhân hành nghề thú y: + Có chứng chỉ hành nghề thú y phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y; + Có đạo đức nghề nghiệp; + Có đủ sức khỏe hành nghề thú y. - Đối với tổ chức hành nghề thú y: + Có cá nhân đáp ứng các yêu cầu quy định hành nghề thú y; + Có cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y theo quy định của pháp luật. - Đối với người nước ngoài phải có đủ trình độ chuyên môn, đảm bảo đủ sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận - Các trường hợp xin cấp chứng chỉ hành nghề thú y không thuộc đối tượng quy định tại điều 111 của Luật thú y ngày 19/6/2015.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;

Vhb

PHỤ LỤC III

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y
(Kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục thú y Hà Nội

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:.....

Bằng cấp chuyên môn:.....

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

- Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.
- Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.
- Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

Địa chỉ hành nghề:.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(*Ghi chú:* Nộp 02 ảnh 4x6)

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Thú y Hà Nội

Tên tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh.....

Địa chỉ thường trú:.....

Bằng cấp chuyên môn:.....

Đã được Chi cục Thú y Hà Nội cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

- Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.
- Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.
- Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:.....

Số CCHN.....

Ngày cấp:.....

Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)



2. Tên thủ tục: Cấp mới, cấp gia hạn, cấp lại giấy Chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p><u>Bước 1:</u> Tiếp nhận, kiểm tra và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục thú y Hà Nội hoặc Trạm thú y quận, huyện, thị xã. - Trường hợp hồ sơ đủ thì người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn tại Bộ phận một cửa của Chi cục. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, cần bổ sung thì được hướng dẫn để hoàn thiện hồ sơ. - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ làm việc các ngày từ thứ 2-thứ 6. <p><u>Bước 2:</u> Kiểm tra điều kiện cơ sở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục thú y Hà Nội kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, lập biên bản kiểm tra điều kiện buôn bán thuốc thú y. + Nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. + Nếu không đủ điều kiện nêu rõ lý do trong biên bản kiểm tra điều kiện buôn bán thuốc thú y, đồng thời yêu cầu cơ sở hoàn thiện, khắc phục, sửa chữa các lỗi đã ghi trong biên bản. <p><u>Bước 3:</u> Thực hiện cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Phòng Chuyên môn nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra điều kiện buôn bán thuốc thú y tại cơ sở và trình phê duyệt kết quả, trả kết quả về bộ phận một cửa.</p> <p><u>Bước 4:</u> Trả kết quả và thu nộp phí thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Bộ phận một cửa của Chi cục thú y Hà Nội hoặc Trạm thú y quận, huyện, thị xã. - Nộp phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Chi cục thú y Hà Nội Số 88, Đường Lê trọng Tấn, phường La Khê, Hà Đông, Hà Nội hoặc Trạm thú y quận, huyện, thị xã.</p>
<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>1. Hồ sơ cấp mới/cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Đơn đăng ký b) Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật; c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; d) Chứng chỉ hành nghề thú y. <p>2. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y trong trường hợp mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đăng ký cấp lại; + Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký; + Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đã được cấp (trừ trường hợp bị mất).

Handwritten signature

	3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	- Cấp mới, gia hạn: 08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Cấp lại : 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	- Tổ chức - Cá nhân
Cơ quan thực hiện	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội b) Đơn vị trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y. c) Đơn vị phối hợp: Trạm Thú y các quận, huyện và thị xã
Kết quả của việc thực hiện	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (có thời hạn 05 năm)
Lệ phí và phí	1. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 70.000 đồng/lần cấp; 2. Phí thẩm định điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y: + Cửa hàng : 225.000 đồng/lần thẩm định; + Đại lý : 450.000 đồng/lần thẩm định. (Theo Thông tư số 04/2012/TT-BTC)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	+ Đơn đăng ký cấp, cấp lại (<i>phục lục XX</i>) + Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật (Phụ lục XXII) <i>Thông Tư 13/2016/BNNPTNT</i>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	+ Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp; + Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;
Căn cứ pháp lý	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y; - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

VB

Phụ lục XX
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN
KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN KIỂM TRA
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Chi cục thú y Hà Nội

Căn cứ Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại:

Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các sản phẩm kinh doanh:

- Thuốc dược phẩm Vắc xin, Chế phẩm sinh học
 Hoá chất Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

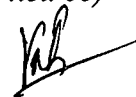
Hồ sơ gửi kèm (đối với đăng ký kiểm tra lần đầu):

- a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện buôn bán thuốc thú y;
- b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán thuốc thú y;
- c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);
- d) Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

....., ngày..... tháng.....năm 20

Đại diện cơ sở

(Ký tên và đóng dấu nếu có)



Phụ lục XXII
MẪU BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ
VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ
VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Chi cục thú y Hà Nội

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:.....
Địa chỉ:

Số điện thoại: FAX: Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình điều kiện buôn bán thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích qui mô cơ sở /cửa hàng, các khu vực
trung bày/ bày bán)

2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y
như tủ, quầy, kệ, âm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,.....)

3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo
dõi mua bán hàng,

4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở /cửa hàng

....., ngày..... tháng..... năm.....

Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu nếu có)



Phụ lục XXXI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Kính gửi: Chi cục thú y Hà Nội

Căn cứ Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ:

Tên:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Số Fax.....

Chúng tôi đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y: Số:.....ngày.....tháng.....năm.....

Lý do đề nghị cấp lại:

- Bị mất, sai sót, hư hỏng.....

- Thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký.

Hồ sơ kèm theo:

a) Các tài liệu liên quan đến sự thay đổi, bổ sung (nếu có);

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Vsb

3. Tên thủ tục: Cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y:

(Áp dụng cấp cho cơ sở giết mổ, sơ chế, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật tươi sống; cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở ấp trứng; sản xuất, kinh doanh con giống; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm)

Trình tự thực hiện	<p>1. Đối với tổ chức, cá nhân:</p> <p>1.1. Trường hợp cấp mới: tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Chi cục thú y Hà Nội.</p> <p>1.2. Trường hợp cấp lại khi giấy chứng nhận hết hạn: Trước 01 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận về Chi cục thú y Hà Nội;</p> <p>2. Đối với Chi cục thú y Hà Nội:</p> <p>- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa – Chi cục thú y Hà Nội.</p> <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ thì viết giấy hẹn thời gian kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở cho người nộp.</p> <p>Trường hợp hồ sơ còn thiếu thì được hướng dẫn để hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính ngày làm việc từ thứ 2-thứ 6</p> <p>- Bước 2: Tiến hành kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại cơ sở theo lịch đã hẹn với các cơ sở.</p> <p>Nội dung kiểm tra:</p> <p>a) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh thú y;</p> <p>b) Kiểm tra các tiêu chuẩn kỹ thuật về vệ sinh thú y;</p> <p>c) Nếu cơ sở đảm bảo yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, cơ quan thú y cấp Chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở; Nếu không cấp giấy chứng nhận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do và hẹn lịch tổ chức kiểm tra lại.</p> <p>- Bước 3: Thu phí thẩm định, lệ phí và trả giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Một trong các hình thức sau:</p> <p>Trực tiếp; gửi qua Fax; E-mail, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính); hoặc gửi theo đường bưu điện về Chi cục thú y Hà Nội</p> <p>Số 88, Đường Lê trọng Tấn, phường La Khê, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 043 3824433.</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>1.1. Cấp mới/ Cấp lại Giấy chứng nhận khi hết hạn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo mẫu quy định; (mẫu 1)- Mô tả tóm tắt về cơ sở (mẫu 2) <p>1.2. Cấp lại Giấy chứng nhận trường hợp: Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận:</p>

Handwritten signature

	<p>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo mẫu quy định; (mẫu 1) b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Tổ chức - Cá nhân</p>
Thời hạn giải quyết	<p>1. Cấp mới/ Cấp lại Giấy chứng nhận khi hết hạn: 1.1. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ nộp qua đường bưu điện, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ; Trường hợp nộp trực tiếp thì cán bộ tiếp nhận kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ đã hợp lệ; hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ; 1.2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện vệ sinh thú y tại cơ sở, cấp Giấy chứng nhận nếu đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và hẹn lịch tổ chức kiểm tra lại. 2. Cấp lại Giấy chứng nhận trường hợp: Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận; Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị của cơ sở; Thời hạn của Giấy chứng nhận đối với trường hợp cấp lại trùng với thời hạn, hiệu lực của Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó. Trường hợp không cấp lại, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội b) Đơn vị trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y. c) Đơn vị phối hợp: Trạm Thú y các quận, huyện và thị xã</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y; có thời hạn 03 năm
Phí và lệ phí	<p>- Phí kiểm tra cơ sở để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cơ sở mới thành lập: 990 000 đồng - Phí kiểm tra cơ sở để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cơ sở đang hoạt động: 936 000 đồng (theo Thông tư 04/2012/TT- BTC của Bộ Tài chính)</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo mẫu quy định; (mẫu 1) - Mô tả tóm tắt về cơ sở (mẫu 2) (Phụ lục II Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT)</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Lệnh Thú y; - Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Kiểm soát giết mổ và Kiểm tra vệ</p>

Vinh 12

	sinh thú y - Thông tư 04/2012/TT- BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.
--	---

Mẫu 01 (Phụ lục II Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

Kính gửi: Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp tỉnh

Cơ sở;

được thành lập ngày:.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số:; ngày cấp:..... đơn vị cấp:..... (đối với doanh nghiệp);

Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....ngày cấp.....;

Cơ quan ban hành Quyết định.....

Lĩnh vực hoạt động:.....

Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:.....

Số lượng công nhân viên:..... (cố định:.....; thời vụ:.....)

Đề nghị (tên cơ quan kiểm tra) cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.

Lý do cấp/cấp lại:

- Cơ sở mới thành lập;
- Thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh ;
- Giấy chứng nhận ĐKVSTY hết hạn ..

Xin trân trọng cảm ơn./.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên & đóng dấu)

Gửi kèm gồm:

- Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 02).



Mẫu: 02

(Phụ lục II Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Mã số (nếu có):.....
3. Địa chỉ:.....
4. Điện thoại:..... Fax: Email:.....
5. Năm bắt đầu hoạt động:.....
6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
7. Công suất thiết kế:.....

II. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ

1. Nhà xưởng, trang thiết bị:

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh m², trong đó:
 - + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu đầu vào: m²
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
 - + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ:

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có Không

Phương pháp xử lý:

4. Hệ thống xử lý chất thải:

Kh 14

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh:

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: người.

+ Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:.....

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị:

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Những thông tin khác:

.....

.....

.....

.....

.....

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)



4. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa Trạm thú y quận, huyện, thị xã được ủy quyền kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh và Đội Kiểm dịch động vật lưu động (<i>gọi chung là cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y</i>); được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ. (Đối với các Trạm Thú y không được ủy quyền thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, thì có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân đến nộp tờ khai tại Đội Kiểm dịch động vật lưu động) - Người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn (01 bản tờ khai theo mẫu 01). <p>Bước 2: Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y quyết định và thông báo về thời gian, địa điểm kiểm dịch cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch. - Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp giấy chứng nhận kiểm dịch. <p>Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc, hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh cho các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh. + Cơ sở tham gia chương trình giám sát dịch bệnh. + Được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ - Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn cho trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y. <p>Bước 3: Trả kết quả và thu nộp phí, lệ phí:</p> <p>Nếu động vật, sản phẩm động vật đảm bảo các yêu cầu theo quy định thì tiến hành niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và thu phí, lệ phí theo quy định.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại cơ sở.</p>
<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ bao gồm: Đơn Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Phụ lục 5 Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT): Mẫu 01</p>

Handwritten signature 16

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	06 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trạm Thú y các quận, huyện, Thị xã được Ủy quyền thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh và Đội Kiểm dịch động vật lưu động.
Kết quả của TTHC	- Giấy chứng nhận Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh. - Bảng kê đánh dấu gia súc (Phụ lục 9 - Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT). <i>(Thời hạn của Giấy chứng nhận có thời hạn được tính theo thời gian vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ nơi xuất phát đến nơi đến cuối cùng)</i>
Phí và lệ phí	Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật được thực hiện theo Phụ lục 4 của Thông tư 04/2012/TT-BTC
Yêu cầu điều kiện	- Đối với động vật, sản phẩm động vật khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh phải: + Động vật phải khỏe mạnh. + Sản phẩm động vật phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y. + Không làm lây lan dịch bệnh động vật, không gây hại đến sức khỏe con người. - Đối với phương tiện vận chuyển, dụng cụ chứa đựng đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y.
Căn cứ pháp lý	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 của Bộ nông nghiệp và PTNT Quy định về Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư 113/2015/TT-BTC, ngày 07/8/2015 của Bộ Tài chính Sửa đổi Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;

Vah

Mẫu 1

(Phụ lục 5 Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH
Số:...../ĐK-KDDV**

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):.....

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày/...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

.....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số/.....ngày...../...../.....

của (1) (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ tiêm phòng ngày...../...../.....


3/ tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

 18

Tổng số (viết bằng chữ):
Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....của(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:.....

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:.....

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

.....

..... vào hồigiờ..... ngày

...../...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận; (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,

Đăng ký

tại.....

Ngàythángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG

KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Vinh

5. Tên thủ tục: Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy Chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi nộ hồ sơ đăng ký trực tiếp tại Bộ phận một cửa Chi cục Thú y Hà Nội hoặc Trạm Thú y quận, huyện, thị xã và được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì người nộ hồ sơ nhận giấy hẹn tại Bộ phận một cửa của Chi cục.- Trường hợp hồ sơ còn thiếu, cần bổ sung thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn để hoàn thiện hồ sơ.- Thời gian tiếp nhận: Trong giờ làm việc các ngày từ thứ 2-thứ 6. <p>Bước 2: Thẩm định nội dung hồ sơ và kiểm tra đánh giá cơ sở</p> <p>1. Cấp mới: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thú y Hà Nội kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định nội dung của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Chi cục thông báo để Trạm thú y thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá (Sau đây gọi là Đoàn đánh giá). Ngay sau khi nhận được thông báo của Chi cục, Trạm thú y thành lập đoàn đánh giá và đồng thời thông báo kế hoạch kiểm tra đánh giá cho cơ sở. Đoàn đánh giá phải tiến hành kiểm tra đánh giá trong vòng 10 ngày kể từ ngày thành lập.- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục thông báo bằng văn bản cho cơ sở để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. <p>2. Cấp lại: Trước 03 tháng tính đến thời điểm hết hiệu lực của Giấy chứng nhận, chủ cơ sở có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận gửi phải gửi hồ sơ đăng ký.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thú y Hà Nội kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định nội dung của hồ sơ.- Trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng (tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận): Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định xong hồ sơ và căn cứ vào kết quả đánh giá định kỳ, Chi cục xem xét gia hạn Giấy chứng nhận cho cơ sở và không cần thành lập Đoàn đánh giá;- Trường hợp cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định xong hồ sơ Chi cục phải thông báo để Trạm thú y thành lập Đoàn đánh giá. Ngay sau khi nhận được thông báo của Chi cục, Trạm thú y thành lập đoàn đánh giá và tiến hành kiểm tra đánh giá trong vòng 5 ngày kể từ ngày thành lập. <p>3. Cấp đổi: Cơ sở có Giấy chứng nhận bị rách, cũ nát hoặc bị mất có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận phải nộ hồ sơ đăng ký.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 2 ngày làm việc, Chi cục xem xét cấp đổi giấy chứng nhận cho cơ sở. <p>Bước 3: Thực hiện cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none">- Ngày làm việc đầu tiên ngay sau ngày kiểm tra đánh giá xong, Trạm
---------------------------	---

Nh 20

	<p>thú y phải gửi biên bản kiểm tra đánh giá về Phòng chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra biên bản đã thẩm định và phát hành văn bản. <p>Bước 4: Trả kết quả và thu nộp phí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân nhận giấy chứng nhận tại bộ phận một cửa của Chi cục Thú y Hà Nội hoặc Trạm thú y quận, huyện, thị xã. - Nộp phí kiểm tra đánh giá tại Trạm thú y quận, huyện, thị xã. Khi đến nhận giấy chứng nhận phải xuất trình biên lai nộp phí kiểm tra đánh giá.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại Chi cục Thú y Hà Nội hoặc trạm thú y cấp huyện, thị xã. - Địa chỉ: 114 Lê Trọng Tấn, phường La Khê, Hà Đông, Hà Nội. - Điện thoại: 043.3824433
Thành phần hồ sơ	<p>1. Hồ sơ cấp mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký (Phụ lục VIa); - Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Phụ lục IIa) hoặc Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII); - Báo cáo kết quả giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT; - Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi chung là Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT); - Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP (đối với cơ sở chăn nuôi động vật trên cạn) hoặc VietGAP (đối với sản xuất giống, nuôi động vật thủy sản thương phẩm) còn hiệu lực (nếu có). <p>2. Hồ sơ cấp lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký (Phụ lục VIa); - Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại vùng, cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y trong cơ sở; kết quả phòng bệnh bằng vắc-xin (đối với vùng, cơ sở chăn nuôi động vật trên cạn); - Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở; bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch; - Bản sao kết quả đánh giá định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT (nếu có). <p>3. Hồ sơ cấp đổi</p> <p>Đơn đăng ký (Phụ lục VIa);</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>1. Cấp mới: Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc 05 ngày kể từ ngày bổ sung kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu vào hồ sơ.</p> <p>2. Cấp lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp không phải đánh giá.

Vsb 21

	<p>- Trong thời gian 17 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp phải đánh giá.</p> <p>3. Cấp đối: Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội</p> <p>b) Đơn vị trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Dịch tễ</p> <p>c) Đơn vị phối hợp: Trạm Thú y các quận, huyện và thị xã</p>
Kết quả của TTHC	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
Phí và lệ phí	<p>Nộp phí kiểm tra, đánh giá tại Trạm thú y:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đối với cơ sở chăn nuôi do địa phương quản lý - 1.040.000đ (một triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) đối với cơ sở chăn nuôi do cấp tỉnh hoặc trung ương quản lý
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>a) Đơn đăng ký (Phụ lục VIa Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT);</p> <p>b) Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Phụ lục IIa Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT);</p>
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 2/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật - Thông tư 04/2012/TT-BTC ngày 5/1/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

VB

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục VIa
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT
ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: Chi cục Thú y Hà Nội

1. Tên cơ sở :

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Đăng ký chứng nhận: Lần đầu Đánh giá lại

Cấp lại Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác:

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:

.....)

4. Loại hình hoạt động: Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh trên đối tượng.....

7. Hồ sơ đăng ký gồm: *(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).*

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) ()*

() Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*



Phụ lục IIa
MẪU BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN
CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT
ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN
CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM

Kính gửi: Chi cục Thú y Hà Nội

Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi:

Địa chỉ: Điện thoại

1. Mô tả vị trí địa lý

- Tổng diện tích đất tự nhiên.

- Vùng tiếp giáp xung quanh.

.....

.....

2. Cơ sở vật chất

- Hàng rào (tường) ngăn cách: Có. . . . Không. . . .

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực Có Không

Phòng giao dịch: Có Không

- Khu chăn nuôi: Ví dụ: Số nhà nuôi lợn nái Tổng diện tích

Số nhà nuôi lợn đực giống Tổng diện tích

Số nhà nuôi lợn thịt, lợn choai . . . Tổng diện tích.....

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt với diện tích

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi với diện tích

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: Có Không. . . .

(Nếu có mô tả hệ thống xử lý chất thải)

.....

.....

- Khu cách ly: Cách ly gia súc mới nhập: Có Không. . . .

Cách ly gia súc bệnh: Có. . . . Không. . . .

(Nếu có mô tả quy mô, khoảng cách với khu khác).

.....

.....

.....

- Khu tiêu huỷ gia súc bệnh: Có. . . . Không. . . .

- Quần áo, ủng, mũ dùng trong khu chăn nuôi: Có Không

- Phòng thay quần áo: Có. . . . Không. . . .

- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: Có. . . . Không. . . .

(Nếu có mô tả phòng tắm, hoá chất sát trùng).

.....

Kh 24

-
- Hồ sát trùng ở cổng trước khi vào trại: Có. . . . Không
(Nếu có mô tả, hoá chất sát trùng).
.....

3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng

- Quy mô: Tổng đàn:
- Cơ cấu đàn: Ví dụ: Lợn nái con
Lợn đực giống con
Lợn con theo mẹ: sơ sinh đến khi cai sữa (theo mẹ).
Lợn con > 2 tháng đến < 4 tháng (lợn choai):
Lợn thịt > 4 tháng:
- Sản phẩm bán ra: (loại gia súc gì).
- Sản lượng hàng năm đối với mỗi loại sản phẩm:
.....

4. Nguồn nhân lực

- Người quản lý:
- Số công nhân chăn nuôi: Số được đào tạo Số chưa được đào tạo . .
- Cán bộ thú y chuyên trách hay kiêm nhiệm, trình độ?
.....

5. Hệ thống quản lý chăn nuôi

- Gồm những giống gia súc gì? nhập từ đâu?
.....
- Nguồn thức ăn tổng hợp? tự chế biến ? thức ăn xanh?
.....
- Nguồn nước uống: nước máy, giếng khoan, nước tự nhiên?
.....
- Chăm sóc quản lý: Sử dụng loại máng ăn, máng uống, thời gian cho ăn, số lần trong ngày, thời gian tắm.
Hệ thống ghi chép: lý lịch gia súc, ngày phối, ngày đẻ, số con sinh ra, tỷ lệ nuôi sống, ngày chu chuyển đàn, ...
.....
- Chế độ vệ sinh chuồng trại trong ngày, trong tuần, tháng làm gì?
.....
- Quy trình chăn nuôi đối với từng lứa tuổi, loại động vật: Có. . . Không
(nếu có cung cấp bản photo kèm theo)
- Nội quy ra vào trại: Có. . . Không
(Nếu có photo kèm theo)
- Chế độ tiêm phòng: Loại vắc-xin, thời gian tiêm?
.....
- Nơi tiêu thụ sản phẩm: Bán cho Công ty hoặc xí nghiệp nào?
.....

VB

- Tình hình chăn nuôi khu vực xung quanh bán kính cách trại 1 km: Người dân xung quanh chăn nuôi chủ yếu là con gì? ước tính số lượng mỗi loài, quy mô và phương thức chăn nuôi?

.....
.....
.....

6. Tình hình dịch bệnh ở trại trong 12 tháng qua

- Tình hình dịch bệnh động vật tại trại?

.....
.....

- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.

.....
.....
.....

- Kết quả thực hiện giám sát dịch bệnh động vật tại trại?

.....
.....

- Tủ thuốc thú y gồm các loại thuốc, dụng cụ gì? Trị giá bao nhiêu?

.....
.....

....., ngày tháng năm

Chủ cơ sở



Ghi chú: Nếu có hoặc không đánh dấu " v "

6. Tên thủ tục: Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng do địa phương quản lý.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>- Bước 1: Nộp hồ sơ Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.</p> <p>- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản, gửi hồ sơ và văn bản xác nhận đến Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.</p> <p>- Bước 3: Thẩm định hồ sơ Chi cục Kiểm lâm Hà Nội thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác, báo cáo đánh giá quần thể, lập biên bản thẩm định và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>- Bước 4: Cấp giấy phép khai thác Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội căn cứ vào hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm Hà Nội cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.</p> <p>- Bước 5: Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội gửi giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Trực tiếp. - Qua bưu điện.</p>
<p>Hồ sơ</p>	<p>a) Hồ sơ gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản chính đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 01 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT. 2. Bản chính thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 02 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT. 3. Bản chính báo cáo đánh giá quần thể loài động vật rừng thông thường theo mẫu số 03 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT. 4. Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ký, đóng dấu xác nhận của tổ chức; bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân của cá nhân đề nghị cấp giấy phép 5. Bản chính giấy chấp thuận phương án khai thác của chủ rừng hoặc hợp đồng hợp tác với chủ rừng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác không đồng thời là chủ rừng. <p>b) Số lượng: 01 (một) bộ.</p>

Thời hạn giải quyết	<p>1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản và gửi cho Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. - Thẩm định hồ sơ: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan Kiểm lâm sở tại chuyển đến, Chi cục Kiểm lâm Hà Nội phải thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ. - Cấp giấy phép khai thác: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác. - Trả kết quả: 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội gửi kết quả cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận được kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị. <p>2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.</p>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội.</p> <p>c) Cơ quan phối hợp: Cơ quan Kiểm lâm sở tại .</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức. - Cá nhân.
Mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường (mẫu số 01). - Bản thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường (mẫu số 02). - Báo cáo đánh giá quần thể động vật rừng thông thường (mẫu số 03). <p>(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT)</p>
Phí, lệ phí	Không
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả: Giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác. - Thời hiệu của giấy phép khai thác: Tối đa 30 (ba mươi) ngày.
Điều kiện thực hiện TTHC	Không

Vsb

Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none">- Điều 4 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.- Quyết định số 3017/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.- Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.
-------------------------	--

WB

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số: 1: Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TỪ TỰ NHIÊN
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân:

- *Tổ chức*: ghi tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp

- *Cá nhân*: họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp

2. Nội dung đề nghị khai thác động vật rừng thông thường:

- Tên loài đề nghị cấp giấy phép khai thác (bao gồm tên thông thường và tên khoa học)

- Số lượng, đơn vị tính (bằng số và bằng chữ): ; trong đó:

+ Con non:

+ Con trưởng thành:

+ Khác (nếu rõ):

- Địa danh khai thác (ghi rõ tới tiểu khu và tên chủ rừng)

- Thời gian dự kiến khai thác: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

...

3. Mục đích khai thác:

4. Phương thức khai thác:

5. Tài liệu gửi kèm:

- Thuyết minh phương án khai thác

- Báo cáo đánh giá quần thể -

....., ngày tháng năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



Mẫu số 2: Thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TỪ TỰ NHIÊN
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

1. Tên tổ chức, cá nhân:

- *Tổ chức:* tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp

- *Cá nhân:* họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp

2. Giới thiệu chung:

Giới thiệu về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác; mục đích khai thác; tác động của việc khai thác, v.v.

3. Mô tả hiện trạng của khu vực đề nghị khai thác:

a) Vị trí khu vực khai thác: *thuộc lô: ... , khoảnh: ... , tiểu khu: ...*

b) Ranh giới: *mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm bản đồ khu khai thác tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000*

c) Diện tích khu vực khai thác:

d) Tên chủ rừng: *địa chỉ, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao, cho thuê đất rừng: (trường hợp có 2 chủ rừng trở lên thì lập bảng kèm theo)*

đ) Loại rừng/ hệ sinh thái khu vực khai thác:

4. Thời gian khai thác: *từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm*

5. Loài đề nghị khai thác:

- Tên loài (*bao gồm tên thông thường và tên khoa học*):

- Số lượng, đơn vị tính (*bằng số và bằng chữ*): ; trong đó:

+ Con non:

+ Con trưởng thành:

+ Khác (*nêu rõ*):

6. Phương án khai thác:

- *Phương tiện, công cụ khai thác:*

- *Phương thức khai thác (săn, bắn, bẫy, lưới,...):*

- *Danh sách những người thực hiện khai thác:*

....., ngày..... tháng năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



Mẫu số 3: Báo cáo đánh giá quần thể động vật rừng thông thường ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

Tên đơn vị tư vấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẦN THỂ ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

1. Đặt vấn đề:

Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành, quá trình thực hiện các hoạt động có liên quan, v.v. của đơn vị tư vấn, tổ chức thực hiện việc khai thác; mục đích xây dựng báo cáo đánh giá quần thể; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và những nghiên cứu đã được thực hiện ở địa bàn trước đây và các thông tin khác có liên quan.

2. Tổng quan khu vực thực hiện:

Nêu rõ địa điểm, ranh giới, diện tích khu vực điều tra; hiện trạng rừng, khu hệ động vật, thực vật khu vực thực hiện điều tra, đánh giá.

3. Phương pháp, thời gian thực hiện (thống kê các nội dung điều tra và các phương pháp đã thực hiện các nội dung đó, kèm theo các mẫu biểu nếu có):

4. Kết quả điều tra, đánh giá loài đề nghị khai thác:

- *Mô tả đặc tính sinh học của loài;*

- *Xác định kích thước quần thể, phân bố theo sinh cảnh, mật độ/ trữ lượng; tăng trưởng số lượng (số lượng sinh sản trung bình hàng năm, tỷ lệ sống sót); tử vong (tổng số tử vong, tỷ lệ tử vong trước tuổi trưởng thành sinh dục); tỷ lệ di cư, nhập cư; tuổi và giới tính (tuổi trung bình của quần thể, tháp cấu trúc tuổi, tuổi trưởng thành sinh dục trung bình);*

- *Xác định khả năng khai thác, mùa sinh sản, mùa khai thác; số lượng, loại, thời gian được phép khai thác để đảm bảo phát triển bền vững;*

- *Đánh giá sự biến đổi của quần thể sau khi khai thác trong thời gian tới.*

- *Xây dựng bản đồ điều tra, phân bố loài đề nghị khai thác tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000.*

5. Đề xuất phương án khai thác: *Phương tiện, công cụ, hình thức khai thác*

6. Kết luận và kiến nghị:

7. Phụ lục: *trình bày những thông tin chưa được nêu trong phần kết quả như: danh lục động vật, thực vật, các bảng số liệu, hình ảnh và các tài liệu khác có liên quan.*

8. Tài liệu tham khảo:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)



7. Tên thủ tục: Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>- Bước 1: Nộp hồ sơ Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.</p> <p>- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản, gửi hồ sơ và văn bản xác nhận đến Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.</p> <p>- Bước 3: Cấp giấy phép khai thác Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội căn cứ vào hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm Hà Nội cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.</p> <p>- Bước 4: Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội gửi giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận được kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Trực tiếp. - Qua bưu điện.</p>
<p>Hồ sơ</p>	<p>a) Hồ sơ gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản chính đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 01 thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT. 2. Bản chính thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 02 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT. 3. Bản sao chụp văn bản ký kết về chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học hoặc quyết định thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học đối với mẫu vật nghiên cứu khoa học có ký, đóng dấu xác nhận của tổ chức; hoặc bản sao chụp văn bản đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với trường hợp khai thác phục vụ ngoại giao, trao đổi giữa các vườn thú, triển lãm phi lợi nhuận, biểu diễn xiếc phi lợi nhuận, trao đổi mẫu vật với Cơ quan quản lý CITES các nước thành viên; 4. Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập có ký, đóng dấu xác nhận của tổ chức. <p>b) Số lượng: 01 (một) bộ.</p>

Handwritten signature

Thời hạn giải quyết	<p>1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản và gửi cho Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. - Cấp giấy phép khai thác: <p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan Kiểm lâm sở tại chuyển đến, Chi cục Kiểm lâm gửi hồ sơ và báo cáo Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả: 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi kết quả cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận được kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị. <p>2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.</p>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội.</p> <p>c) Cơ quan phối hợp: Cơ quan Kiểm lâm sở tại,</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức. - Cá nhân.
Mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường mẫu số 01 - Bản thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường mẫu số 02 <p>(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT)</p>
Phí, lệ phí	Không
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả: Giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác. - Thời hiệu của giấy phép khai thác: Tối đa 30 (ba mươi) ngày.
Điều kiện thực hiện TTHC	Không

VB

Căn cứ pháp lý
của TTHC

- Điều 5 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.
- Quyết định số 3017/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN

mb

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 1: Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TỪ TỰ NHIÊN
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân:

- *Tổ chức:* ghi tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp

- *Cá nhân:* họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp

2. Nội dung đề nghị khai thác động vật rừng thông thường:

- Tên loài đề nghị cấp giấy phép khai thác (bao gồm tên thông thường và tên khoa học)

- Số lượng, đơn vị tính (bằng số và bằng chữ): ; trong đó:

+ Con non:

+ Con trưởng thành:

+ Khác (nếu rõ):

- Địa danh khai thác (ghi rõ tới tiểu khu và tên chủ rừng)

- Thời gian dự kiến khai thác: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm

3. Mục đích khai thác:

4. Phương thức khai thác:

5. Tài liệu gửi kèm:

- Thuyết minh phương án khai thác

- Báo cáo đánh giá quần thể

-

....., ngày tháng năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



Mẫu số 2: Thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TỪ TỰ NHIÊN
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG**

1. Tên tổ chức, cá nhân:

- *Tổ chức*: tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp

- *Cá nhân*: họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp

2. Giới thiệu chung:

Giới thiệu về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác; mục đích khai thác; tác động của việc khai thác, v.v.

3. Mô tả hiện trạng của khu vực đề nghị khai thác:

a) Vị trí khu vực khai thác: *thuộc lô: ... , khoảnh: ... , tiểu khu: ...*

b) Ranh giới: *mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm bản đồ khu khai thác tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000*

c) Diện tích khu vực khai thác:

d) Tên chủ rừng: *địa chỉ, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao, cho thuê đất rừng: (trường hợp có 2 chủ rừng trở lên thì lập bảng kèm theo)*

đ) Loại rừng/ hệ sinh thái khu vực khai thác:

4. Thời gian khai thác: *từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

5. Loài đề nghị khai thác: - Tên loài (*bao gồm tên thông thường và tên khoa học*):

- Số lượng, đơn vị tính (*bằng số và bằng chữ*): ; trong đó:

+ Con non:

+ Con trưởng thành:

+ Khác (*nêu rõ*):

6. Phương án khai thác:

- *Phương tiện, công cụ khai thác:*

- *Phương thức khai thác (săn, bẫy, bẫy, lưới,...):*

- *Danh sách những người thực hiện khai thác:*

....., ngày..... tháng năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

8. Tên thủ tục: Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức

- Trình tự thực hiện	a) Các tổ chức nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận; c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Giấy đề nghị cấp phép khai thác, - Hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng, tận thu. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
- Đối tượng thực hiện TTHC	Chủ rừng là tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC	Cơ quan có thẩm quyền quyết định, trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy phép khai thác
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Giấy đề nghị cấp phép khai thác (phụ lục 3) - Hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng, tận thu (phụ lục 1) Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT
- Yêu cầu, điều kiện	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	Điều 6 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

KB

Phụ lục 3: Mẫu giấy đề nghị cấp phép khai thác

(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC

Kính gửi:.....

- Tên chủ rừng, hoặc đơn vị khai thác.....

- Địa chỉ:.....

được giao quản lý, sử dụngha rừng, theo giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất, rừng số ngày..... tháng....năm..... (hoặc Quyết
định giao, cho thuê đất, rừng số..... ngày..... tháng....năm..... của)

Xin đăng ký khai thác.....tại lô.....khoảnh.....tiểu

khu.....; với số lượng, khối lượng gỗ, lâm sản.

Kèm theo các thành phần hồ sơ

gồm:.....

.....

.....

.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét, cho ý kiến./

Chủ rừng (Đơn vị khai thác)

(ký tên ghi rõ họ tên đóng dấu nếu có)



Phụ lục 1: Mẫu đề cương thiết kế khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị chủ quản:.....
Tên đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ
THIẾT KẾ KHAI THÁC, TẬN DỤNG, TẬN THU LÂM SẢN

I. Đặt vấn đề:

- Tên chủ rừng (đơn vị khai thác).....
- Mục đích khai thác.....

II. Tình hình cơ bản khu khai thác

1. Vị trí, ranh giới khu khai thác:

a) Vị trí: Thuộc lô....., khoảnh ,..... Tiểu khu

b) Ranh giới:

- Phía Bắc giáp.....
- Phía Nam giáp.....
- Phía Tây giáp.....
- Phía Đông giáp.....

2. Diện tích khai thác:.....ha;

3. Loại rừng đưa vào khai thác.

III. Các chỉ tiêu kỹ thuật lâm sinh:

1. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân.....

2. Sản lượng cây đứng...

3. Tỷ lệ lợi dụng:

4. Sản lượng khai thác.

(kèm theo biểu tài nguyên và các chỉ tiêu lâm học)

IV. Sản phẩm khai thác:

- Tổng sản lượng khai thác..... (phân ra từng lô, khoảnh), cụ thể:

+ Gỗ: số cây....., khối lượngm³

+ Lâm sản ngoài gỗ.....((m³/ cây/tán..)

- Chung loại sản phẩm (Đối với gỗ phân theo từng loài, từng nhóm gỗ; đối với lâm sản ngoài gỗ phân theo từng loài)

(kèm theo biểu sản phẩm khai thác)

V. Biện pháp khai thác, thời gian hoàn thành.

a) Chặt hạ:

b) Vận xuất:

c) Vận chuyển

d) Vệ sinh rừng sau khai thác

e) Thời gian hoàn thành.

VI. Kết luận, kiến nghị.

Chủ rừng /đơn vị khai thác

(ký tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



9. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới

Trình tự thực hiện	Gồm 4 bước: + Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn tại Bộ phận một cửa - Chi cục Thủy sản Hà Nội + Bước 2: Chi cục thủy sản Hà Nội tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu + Bước 3: Kiểm tra, xác minh hồ sơ và cấp giấy chứng nhận + Bước 4: Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại bộ phận một cửa theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội hoặc qua đường bưu điện Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh trì - Hà Nội. Điện thoại: 04.36884464; Fax: 04.36889510
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 1. Tờ khai đăng ký tàu cá; 2. Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu: + Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp (bản chính). + Văn bản chấp thuận đóng mới của Chi cục thủy sản Hà Nội. 3. Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính). 4. Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn (03) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân; - Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội.
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
Phí, lệ phí	Lệ phí Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; 40.000đ/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai	Tờ khai đăng ký tàu cá (Phụ lục 4 Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Tàu cá được đăng ký vào sổ đăng ký tàu cá khi có đủ các điều kiện sau: + Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản; + Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật; + Không còn mang số đăng ký tàu nào khác; + Đã hoàn tất việc đăng kiểm; + Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác; + Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản

Kb 41

(cũ) nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên;
- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ;



www.LuatVietnam.vn

Phụ lục số 4
(theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 / 4/2011
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng.....

Năm, nơi đóng:

Cảng (Bến đậu) đăng ký:

Kích thước chính $L_{max} \times B_{max} \times D, m$:; Chiều chìm d, m :.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)




10. Tên thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

Trình tự thực hiện	Thực hiện theo 5 bước: + Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký kiểm tra, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn tại Bộ phận một cửa - Chi cục Thủy sản Hà Nội. + Bước 2 : Cơ quan tiếp nhận: Tiếp nhận hồ sơ đã hợp lệ hoặc hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung nếu hồ sơ còn thiếu. + Bước 3 : Quyết định công nhận. + Bước 5: Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại Bộ phận một cửa theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội hoặc gửi theo đường bưu điện. + Địa chỉ : Thanh Liệt – Thanh Trì – Hà Nội Điện thoại: 04.36884464; Fax: 04.36889510
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ khai xin đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; - Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (nếu bị rách nát, hư hỏng hoặc thay đổi tên tàu; bản chính) hoặc giấy khai báo bị mất "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá" có xác nhận của chính quyền cấp xã, phường hoặc đồn Công an, Biên phòng nơi bị mất (nếu bị mất). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	- Chi cục Thủy sản Hà Nội
Kết quả thực hiện TTHC	- Giấy chứng nhận
Phí, lệ phí	- Lệ phí 20.000 đồng/lần cấp
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Tờ khai đổi tên tàu/cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Phụ lục 7- Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2005/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành quy chế đăng ký tàu cá và thuyền viên - Quyết định 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ tài chính quy

Vb 44

định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 /4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.



www.LuatVietnam.vn

Phụ lục số 7.
Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI
ĐỔI TÊN TÀU/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng:.....

Năm, nơi đóng:.....

Cảng (*Bến đậu*) đăng ký:.....

Kích thước chính $L_{max} \times B_{max} \times D, m$:

Chiều chìm d, m :.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, *tấn*:Số thuyền viên, *người*:.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)



11. Tên thủ tục: Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân: + Nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn. + Khi đến nộp hồ sơ, phải xuất trình giấy giới thiệu (đối với tổ chức), Chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân); - Chi cục Thủy sản Hà Nội: + Nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, viết giấy hẹn; + Xác minh, kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở; + Hoàn thành thủ tục (nếu đủ điều kiện theo quy định) và cấp sổ danh bạ thuyền viên .
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> + Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội hoặc gửi theo đường bưu điện. + Địa chỉ: Thanh Liệt – Thanh Trì – Hà Nội. Điện thoại: 04.36884464; Fax: 04.36889510
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá kèm theo danh sách thuyền viên tàu cá (Phụ lục số 9); kèm theo 02 ảnh màu (3x4) - Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có công chứng) hoặc giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ đi biển làm nghề cá do cơ quan Đăng kiểm tàu cá cấp (bản chính). b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ yêu cầu;
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	- Chi cục Thủy sản Hà Nội
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá
Phí, lệ phí	+ Lệ phí 40.000 VNĐ/ 1 lần cấp.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ khai Đăng ký Danh bạ thuyền viên tàu cá (Phụ lục số 9 - Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động - Có đủ sức khỏe và biết bơi - Được tập huấn về những kiến thức cơ bản khi hành nghề trên biển do cơ quan Đăng ký tàu cá có thẩm quyền tổ chức (Nếu chưa có chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá)
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khai thác thủy sản

Vhb 47

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Quyết định 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên;- Quyết định 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ tài chính quy định chế độ thu , nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;- Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005;- Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 1 số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 chính phủ. |
|--|

VB

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục số 9.

Tờ khai Đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/ 4/ 2011)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Kính gửi:.....
Tên tôi là:.....Nam, nữ.....
Ngày tháng năm sinh:.....
Nguyên quán:.....
Thường trú tại:.....
Là chủ tàu:.....Số đăng ký.....
Chứng minh nhân dân số:.....cấp tại.....
Nghề nghiệp:.....
Trình độ văn hoá:.....
Trình độ chuyên môn:.....
Chứng chỉ chuyên môn số:.....ngày cấp.....
Cơ quan cấp:.....

Tôi làm tờ khai này kính trình cơ quan đăng ký tàu cá cấp danh sách thuyền viên tàu cá.

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước ban hành.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



12. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán.

Trình tự thực hiện	Gồm 4 bước: + Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn tại Bộ phận một cửa - Chi cục Thủy sản Hà Nội + Bước 2 : Chi cục thủy sản Hà Nội tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu; + Bước 3: Kiểm tra, xác minh hồ sơ và cấp giấy chứng nhận + Bước 4: Trả kết quả tại bộ phận một cửa theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội. Điện thoại: 04.36884464; Fax: 04.36889510
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 1. Tờ khai đăng ký tàu cá; 2. Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu: - Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (bản chính). - Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản gốc). - Văn bản chấp thuận đóng mới của Chi cục thủy sản Hà Nội. 3. Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính). 4. Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	Thời gian là 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	- Cá nhân; - Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội.
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Tờ khai đăng ký tàu cá (Phụ lục số 4 Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu điều kiện thực hiện	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản (cũ) nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên; - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; - Thông tư 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/04/2011: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;

Phụ lục số 4

(Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng.....

Năm, nơi đóng:

Cảng (Bến đậu) đăng ký:

Kích thước chính $L_{max} \times B_{max} \times D, m$: ; Chiều chìm d, m :.....

Vật liệu vỏ: ; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)



13. Tên thủ tục: Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường.

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn. - Hạt Kiểm lâm: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay. Trường hợp không xác nhận, Cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đó. + Trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	- Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại các Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường đã khai thác. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận số lượng thực tế mẫu vật động vật rừng thông thường đã khai thác.
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường đã khai thác (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Điều 6 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

VNB

Mẫu số 5: Bảng kê mẫu vật rừng thông thường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BKĐVR

Tờ số:.....

BẢNG KÊ MẪU VẬT ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

Stt	Tên loài		Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả mẫu vật	Nguồn gốc	Thời gian có mẫu vật	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học						
1								
2								
3								
...								

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP BẢNG KÊ
(Ký tên, ghi rõ họ tên đóng dấu nếu là tổ chức)

